Họ và tên: Khấu Nguyễn Thành Nhân

MSSV: DH52004608

1. Module: Đăng nhập/ Đăng xuất

- Công dụng của module:

- Cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống.

- Cho phép người dùng đăng xuất khỏi hệ thống.

- Dữ liệu vào (input data):

- Tên đăng nhập.

- Mật khẩu.

- Dữ liệu ra (output data):

- Thông báo đăng nhập/ đăng xuất thành công/ thất bại.

- User sử dụng module này:

- Người quản lý hệ thống và nhân viên bán hàng.

2. Module: Quản lý loại hàng hóa

- Công dụng của module:

- Cho phép thêm, sửa, xóa loại hàng hóa.

- Xác nhận trước khi xóa loại hàng hóa.

- Dữ liệu vào (input data):

- Mã loại hàng hóa.

- Tên loại hàng hóa.

- Dữ liệu ra (output data):

- Danh sách loại hàng hóa với thông tin chi tiết.

- Xác nhận thao tác thành công hoặc thất bại.

- User sử dụng module này:

- Người quản lý hệ thống.

3. Module: Quản lý nhà sản xuất

- Công dụng của module:

- Cho phép thêm, sửa, xóa thông tin về nhà sản xuất.

- Xác nhận trước khi xóa nhà sản xuất.

- Dữ liệu vào (input data):

- Mã nhà sản xuất.

- Tên nhà sản xuất.

- Dữ liệu ra (output data):

- Danh sách nhà sản xuất.

- Xác nhận thao tác thành công hoặc thất bại.

- User sử dụng module này:

- Người quản lý hệ thống.

4. Module: Quản lý thông tin hàng hóa

- Công dụng của module:

- Cho phép thêm, sửa, xóa thông tin về hàng hóa.

- Xác nhận trước khi xóa hàng hóa.

- Dữ liệu vào (input data):

- Mã hàng hóa.

- Tên hàng hóa.

- Tên loại hàng hóa.

- Năm xuất bản.

- Tên nhà sản xuất .

- Tác giả.

- Hình ảnh.

- Dữ liệu ra (output data):

- Danh sách hàng hóa với thông tin chi tiết.

- Xác nhận thao tác thành công hoặc thất bại.

- User sử dụng module này:

- Nhân viên bán hàng, người quản lý hệ thống.

5. Module: Quản lý thông tin nhân viên

- Công dụng của module:

- Cho phép thêm, sửa, xóa thông tin nhân viên.

- Xác nhận trước khi xóa nhân viên.

- Dữ liệu vào (input data):

- Mã nhân viên.

- Tên nhân viên.

- Địa chỉ.

- Số điện thoại.

- Giới tính.

- Ngày sinh.

- Chức vụ.

- Email.

- Dữ liệu ra (output data):

- Danh sách nhân viên với thông tin chi tiết.

- Xác nhận thao tác thành công hoặc thất bại.

- User sử dụng module này:

- Nhân viên bán hàng, người quản lý hệ thống.

6. Module: Quản lý thông tin khách hàng

- Công dụng của module:

- Cho phép thêm, sửa, xóa thông tin khách hàng.

- Xác nhận trước khi xóa khách hàng.

- Dữ liệu vào (input data):

- Mã khách hàng.

- Tên khách hàng.

- Địa chỉ.

- Số điện thoại.

- Giới tính.

- Ngày sinh.

- Email.

- Dữ liệu ra (output data):

- Danh sách khách hàng với thông tin chi tiết.

- Xác nhận thao tác thành công hoặc thất bại.

- User sử dụng module này:

- Nhân viên bán hàng, người quản lý hệ thống.

7. Module: Quản lý phiếu xuất hàng hóa

- Công dụng của module:

- Cho phép tạo, sửa, xóa phiếu xuất hàng hóa.

- Xác nhận trước khi xóa phiếu xuất hàng hóa.

- Dữ liệu vào (input data):

- Mã phiếu xuất hàng hóa.

- Tên sản phẩm.

- Số lượng.

- Ngày xuất hàng.

- Tổng giá trị đơn hàng.

- Dữ liệu ra (output data):

- Danh sách phiếu xuất hàng hóa với thông tin chi tiết.

- Xác nhận thao tác thành công hoặc thất bại.

- User sử dụng module này:

- Người quản lý hệ thống.

8. Module: Quản lý hóa đơn

- Công dụng của module:

- Cho phép xem, sửa, xóa thông tin hóa đơn.

- Xác nhận trước khi xóa hóa đơn.

- Dữ liệu vào (input data):

- Mã hóa đơn.

- Tên sản phẩm.

- Tên nhân viên.

- Số lượng.

- Tổng giá trị hóa đơn.

- Thông tin khách hàng.

- Phương thức thanh toán.

- Ngày thực hiện

- Dữ liệu ra (output data):

- Hiển thị hóa đơn với thông tin chi tiết.

- Xác nhận thao tác thành công hoặc thất bại.

- User sử dụng module này:

- Nhân viên bán hàng, người quản lý hệ thống.